

Số: 116/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 07 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ Vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 80/2018/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐTBD ngày 05/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-ĐHSPKTVL-SĐH ngày 26/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học năm 2021;

Căn cứ Kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa Đại học hệ vừa làm vừa học đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2021;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp Đại học hệ vừa làm vừa học đợt 2 năm 2020 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp họp ngày 27/5/2021;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp **ĐẠI HỌC** hệ Vừa làm vừa học cho 219 sinh viên, (có danh sách kèm theo).

TT	Ngành đào tạo	Tổng số SV	Kết quả tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Công nghệ thông tin	49	0	2	28	19
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	87	1	12	70	4
3	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	10	0	6	4	0
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21	0	10	10	1
5	Công nghệ kỹ thuật ô tô	37	0	2	28	7
6	Thú y	15	3	11	1	0
TỔNG CỘNG		219	4	43	141	31

Điều 2. Mọi chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được cắt khỏi Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đơn vị liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: P.ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



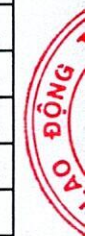
PGS.TS. Lao Hùng Phi



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC - ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo quyết định số: 116/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 07 tháng 6 năm 2021)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
I. Ngành Công nghệ thông tin								
1	15304025	Phạm Duy	Nam	11/01/1988	Vĩnh Long	Kinh	2.21	Trung bình
2	15304026	Lê Long Hà	Nam	11/11/1985	Vĩnh Long	Kinh	2.36	Trung bình
3	15304045	Biện Công Thanh	Nam	02/8/1984	Vĩnh Long	Kinh	2.27	Trung bình
4	15304055	Võ Thanh Trang	Nam	19/7/1987	Long An	Kinh	2.07	Trung bình
5	15304056	Võ Minh Triều	Nam	29/9/1976	Vĩnh Long	Kinh	2.23	Trung bình
6	16304039	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	10/12/1988	Vĩnh Long	Kinh	2.40	Trung bình
7	16304052	Trần Minh Trung	Nam	15/10/1988	Bến Tre	Kinh	2.92	Khá
8	17304008	Võ Trường Giang	Nam	15/5/1991	Vĩnh Long	Kinh	2.45	Trung bình
9	17304014	Võ Văn Khiêm	Nam	11/11/1987	Vĩnh Long	Kinh	2.46	Trung bình
10	17304015	Nguyễn Thị Cẩm Lài	Nữ	15/8/1983	Vĩnh Long	Kinh	2.85	Khá
11	17304016	Nguyễn Thành Long	Nam	07/6/1994	Đồng Tháp	Kinh	2.16	Trung bình
12	17304021	Lê Minh Nhật	Nam	12/4/1987	Đồng Tháp	Kinh	2.48	Trung bình
13	17304024	Dương Thanh Phong	Nam	13/9/1983	Vĩnh Long	Kinh	2.52	Khá
14	17304026	Phạm Hữu Quang	Nam	30/6/1996	Vĩnh Long	Kinh	2.18	Trung bình
15	17304034	Nguyễn Thành Xuyên	Nam	01/01/1988	Vĩnh Long	Kinh	2.28	Trung bình
16	17304002	Nguyễn Bảo Châu	Nam	01/9/1990	Bến Tre	Kinh	2.74	Khá
17	17304004	Lê Quang Tú	Nam	25/4/1992	Bến Tre	Kinh	2.76	Khá
18	17304051	Tô Thanh Hải	Nam	18/10/1991	Vĩnh Long	Kinh	2.97	Khá
19	17304052	Phạm Minh Hạnh	Nam	27/8/1987	Bến Tre	Kinh	3.17	Khá
20	17304038	Tổng Gia Huyền	Nam	24/10/1991	Bến Tre	Kinh	2.69	Khá
21	17304039	Phan Tuấn Kiệt	Nam	06/6/1993	Tiền Giang	Kinh	3.07	Khá
22	17304041	Nguyễn Thị Ngọc Lài	Nữ	15/01/1989	Bến Tre	Kinh	2.54	Khá
23	17304042	Nguyễn Thị Thanh Lý	Nữ	05/02/1988	Bến Tre	Kinh	2.69	Khá
24	17304045	Lê Tấn Hồng Phát	Nam	01/12/1990	Tiền Giang	Kinh	3.52	Giỏi
25	17304046	Nguyễn Minh Thắng	Nam	16/02/1991	Tiền Giang	Kinh	2.92	Khá
26	18304001	Bùi Minh Thảo	Nam	02/5/1988	Tiền Giang	Kinh	2.78	Khá
27	18304002	Trần Thị Kim Cương	Nữ	01/12/1985	Tiền Giang	Kinh	2.88	Khá
28	18304003	Mai Thanh Huy	Nam	14/02/1991	Tiền Giang	Kinh	2.88	Khá
29	18304004	Nguyễn Thị Kha Lao	Nữ	17/5/1990	Tiền Giang	Kinh	2.69	Khá
30	18304005	Mạch Lê Quyên	Nữ	24/9/1989	Tiền Giang	Kinh	2.86	Khá
31	18304006	Huỳnh Thị Sa	Nữ	01/8/1985	Tiền Giang	Kinh	3.07	Khá
32	18304007	Tạ Hữu Trung	Nam	15/01/1988	Tiền Giang	Kinh	2.94	Khá
33	19304002	Nguyễn Thị Thu Cúc	Nữ	26/6/1990	Bến Tre	Kinh	2.57	Khá
34	19304003	Huỳnh Hải Đăng	Nam	01/11/1988	Vĩnh Long	Kinh	2.20	Trung bình
35	19304004	Lê Thị Diệu	Nữ	20/3/1991	Vĩnh Long	Kinh	2.90	Khá
36	19304005	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	03/9/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.31	Trung bình



TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCL	Hạng tốt nghiệp
37	19304006	Nguyễn Trung Hậu	Nam	19/5/1990	Vĩnh Long	Kinh	3.02	Khá
38	19304008	Cao Thanh Hiền	Nam	14/02/1996	An Giang	Kinh	2.33	Trung bình
39	19304011	Nguyễn Hoàng Khải	Nam	30/11/1989	Vĩnh Long	Kinh	2.34	Trung bình
40	19304012	Nguyễn Nhật Minh Khoa	Nam	22/7/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.53	Khá
41	19304014	Nguyễn Thị Duy Linh	Nữ	30/01/1988	Hậu Giang	Kinh	2.49	Trung bình
42	19304015	Nguyễn Xuân Mai	Nam	01/01/1991	Vĩnh Long	Kinh	3.34	Giỏi
43	19304018	Đoàn Minh Tiến	Nam	24/02/1991	Đồng Tháp	Kinh	2.98	Khá
44	19304019	Trương Thị Thùy Trang	Nữ	02/7/1983	Vĩnh Long	Kinh	2.20	Trung bình
45	19304021	Hồ Thị Thúy Vân	Nữ	10/01/1986	Bến Tre	Kinh	2.61	Khá
46	19304023	Võ Xuân Vinh	Nam	12/5/1992	Vĩnh Long	Kinh	3.02	Khá
47	19304024	Đào Các Chiêu Yên	Nữ	07/02/1993	Vĩnh Long	Kinh	2.16	Trung bình
48	19304032	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	Nữ	21/4/1991	Tiền Giang	Kinh	2.61	Khá
49	19304037	Trần Thị Lụa	Nữ	01/01/1983	Vĩnh Long	Kinh	2.63	Khá

II. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

50	14303041	Nguyễn Văn Thanh	Nam	13/4/1987	Vĩnh Long	Kinh	2.68	Khá
51	14303063	Nguyễn Thị Cẩm Xuyên	Nữ	01/01/1989	Vĩnh Long	Kinh	2.70	Khá
52	15303248	Nguyễn Thanh Hải	Nam	28/6/1978	Vĩnh Long	Kinh	2.65	Khá
53	16303004	Đoàn Thanh Bình	Nam	25/02/1980	Tiền Giang	Kinh	2.84	Khá
54	16303014	Nguyễn Thanh Hiếu	Nam	16/01/1993	Trà Vinh	Kinh	2.08	Trung bình
55	16303039	Nguyễn Kế Thông	Nam	09/01/1975	Tiền Giang	Kinh	2.99	Khá
56	16303152	Bùi Minh Quân	Nam	10/12/1970	Tiền Giang	Kinh	2.80	Khá
57	16303170	Lê Minh Trục	Nam	05/4/1984	Long An	Kinh	2.83	Khá
58	16303217	Phạm Hoài Linh	Nam	06/01/1990	Bến Tre	Kinh	3.22	Giỏi
59	16303361	Ngô Kính Dân	Nam	18/12/1994	Tiền Giang	Kinh	2.91	Khá
60	16303366	Huỳnh Lâm Ngọc Toàn	Nam	07/6/1993	Tiền Giang	Kinh	3.06	Khá
61	17303056	Phan Lê Tuấn Đạt	Nam	03/02/1994	Vĩnh Long	Kinh	2.46	Trung bình
62	17303057	Lê Phước Hải	Nam	1991	Đồng Tháp	Kinh	2.69	Khá
63	17303038	Lê Hoàng Khoa	Nam	01/01/1987	Trà Vinh	Kinh	3.16	Khá
64	17303039	Ngô Phan Hoàng Ngân	Nữ	24/01/1991	Bến Tre	Kinh	3.60	Xuất sắc
65	17303043	Lý Minh Văn	Nam	14/3/1982	Cà Mau	Kinh	3.58	Giỏi
66	17303225	Ngô Đăng Học	Nam	09/10/1996	Vĩnh Long	Kinh	3.02	Khá
67	17303233	Trần Thiện Tín	Nam	05/11/1980	Bình Dương	Kinh	2.53	Khá
68	17303235	Mai Tuấn Thanh	Nam	14/4/1994	Vĩnh Long	Kinh	2.49	Trung bình
69	17303237	Phạm Phú Thiệt	Nam	12/6/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.81	Khá
70	17303238	Giảng Vĩnh Thuận	Nam	21/7/1983	Vĩnh Long	Kinh	3.01	Khá
71	17303135	Nguyễn Đông Hải	Nam	28/10/1991	Long An	Kinh	3.08	Khá
72	17303140	Nguyễn Thanh Tuyền	Nam	03/7/1990	Long An	Kinh	3.11	Khá
73	17303141	Ngô Trung Thảo	Nam	27/7/1977	Long An	Kinh	3.14	Khá
74	17303142	Hồ Phước Thịnh	Nam	03/6/1992	Long An	Kinh	3.10	Khá
75	17303149	Bùi Việt Hùng	Nam	08/5/1978	Sóc Trăng	Kinh	3.21	Giỏi
76	17303098	Nguyễn Huỳnh Dù	Nam	29/12/1985	Kiên Giang	Kinh	3.11	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCL	Hạng tốt nghiệp
77	17303099	Nguyễn Văn Dũ	Nam	15/9/1977	Cần Thơ	Kinh	2.86	Khá
78	17303101	Trần Tấn Đạt	Nam	19/11/1995	Hậu Giang	Kinh	3.39	Giỏi
79	17303102	Lê Quý Đô	Nam	27/3/1985	Hậu Giang	Kinh	3.10	Khá
80	17303104	Nguyễn Thanh Giàu	Nam	12/12/1981	Hậu Giang	Kinh	3.44	Giỏi
81	17303106	Trần Minh Kha	Nam	10/11/1984	Cần Thơ	Kinh	3.48	Giỏi
82	17303107	Trần Vũ Khanh	Nam	01/01/1995	Cần Thơ	Kinh	3.29	Giỏi
83	17303108	Nguyễn Hồ Đăng Khoa	Nam	09/11/1989	Hậu Giang	Kinh	3.18	Khá
84	17303110	Nguyễn Vũ Lâm	Nam	22/8/1986	Hậu Giang	Kinh	3.02	Khá
85	17303111	Huỳnh Bảo Lâm	Nam	15/11/1984	Hậu Giang	Kinh	3.15	Khá
86	17303114	Lâm Vũ Nguyên	Nam	03/9/1986	Hậu Giang	Kinh	3.31	Giỏi
87	17303116	Nguyễn Hoàng Phi	Nam	07/8/1985	Cần Thơ	Kinh	3.10	Khá
88	17303117	Nguyễn Thanh Phong	Nam	26/5/1980	Cần Thơ	Kinh	3.18	Khá
89	17303119	Lê Hồng Quốc	Nam	03/8/1985	Hậu Giang	Kinh	3.19	Khá
90	17303120	Lương Thanh Sơn	Nam	24/6/1982	Sóc Trăng	Kinh	2.95	Khá
91	17303123	Trương Nhật Tuấn	Nam	26/6/1988	Hậu Giang	Kinh	3.13	Khá
92	17303125	Trần Văn Trọng	Nam	02/8/1985	Hậu Giang	Kinh	3.00	Khá
93	17303127	Nguyễn Nhật Trường	Nam	10/12/1983	Hậu Giang	Kinh	3.13	Khá
94	17303128	Hứa Nguyễn Vy Phương	Nữ	22/12/1988	Cần Thơ	Kinh	3.28	Giỏi
95	18303021	Thạch Trung Quân	Nam	19/8/1995	Vĩnh Long	Khmer	2.15	Trung bình
96	18303022	Lê Văn Qui	Nam	29/9/1996	Vĩnh Long	Kinh	2.65	Khá
97	18303042	Lý Thành Công	Nam	13/9/1983	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	3.13	Khá
98	18303045	Trần Minh Đức	Nam	29/8/1983	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	2.90	Khá
99	18303047	Huỳnh Công Dũng	Nam	09/02/1987	Đồng Nai	Kinh	2.90	Khá
100	18303068	Võ Văn Thiên	Nam	07/10/1992	Đắk Lắk	Kinh	2.87	Khá
101	18303072	Nguyễn Thế Thương	Nam	11/01/1995	Ninh Thuận	Kinh	2.70	Khá
102	18303110	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	12/10/1987	Ninh Thuận	Kinh	2.87	Khá
103	18303111	Nguyễn Hữu Danh	Nam	18/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	2.64	Khá
104	18303112	Võ Thị Ngọc Diễm	Nữ	02/9/1994	Bến Tre	Kinh	2.90	Khá
105	18303114	Lê Gia Hiếu	Nam	16/7/1990	Thừa Thiên Huế	Kinh	2.97	Khá
106	18303115	Lê Trung Hiếu	Nam	23/8/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	2.62	Khá
107	18303118	Lâm Vinh Lộc	Nam	27/5/1990	Quảng Ngãi	Kinh	3.15	Khá
108	18303119	Dương Kim Ngân	Nữ	13/4/1994	Tiền Giang	Kinh	3.01	Khá
109	18303120	Võ Văn Nguyên	Nam	27/7/1995	Quảng Ngãi	Kinh	2.82	Khá
110	18303121	Nguyễn Thành Nhân	Nam	28/8/1993	Đồng Nai	Kinh	2.74	Khá
111	18303122	Nguyễn Văn Nhân	Nam	29/3/1992	Sóc Trăng	Kinh	2.98	Khá
112	18303123	Lê Thị Nương	Nữ	26/8/1993	Lâm Đồng	Kinh	2.73	Khá
113	18303124	Lưu Kim Phát	Nam	01/12/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	2.93	Khá
114	18303126	Nguyễn Tiến Quảng	Nam	14/8/1981	Hà Nội	Kinh	2.64	Khá
115	18303127	Phan Văn Tâm	Nam	04/8/1997	Phú Yên	Kinh	3.16	Khá
116	18303130	Đặng Phúc Thọ	Nam	10/04/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	2.98	Khá
117	18303132	Trần Thị Bích Trâm	Nữ	16/01/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	2.83	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
118	18303133	Phạm Thị Thùy Trâm	Nữ	16/02/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	2.90	Khá
119	18303134	Lê Huyền Trang	Nữ	28/12/1995	Tiền Giang	Kinh	2.90	Khá
120	18303135	Võ Cơ Triết	Nam	09/6/1995	Bình Định	Kinh	2.59	Khá
121	18303139	Ngô Tấn Vũ	Nam	04/01/1992	Cần Thơ	Kinh	2.92	Khá
122	18303140	Nguyễn Bảo Vương	Nam	26/7/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	3.08	Khá
123	18303087	Nguyễn Thái Bình	Nam	08/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	2.63	Khá
124	18303088	Mai Văn Cường	Nam	10/9/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	3.06	Khá
125	18303089	Nguyễn Huỳnh Đạt	Nam	06/10/1996	Đồng Tháp	Kinh	2.83	Khá
126	18303091	Nguyễn Thanh Duy	Nam	11/8/1996	Bạc Liêu	Kinh	2.81	Khá
127	18303093	Nguyễn Phước Hải	Nam	10/7/1974	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	3.30	Giỏi
128	18303094	Nguyễn Thuận Hải	Nam	23/5/1994	Tây Ninh	Kinh	2.79	Khá
129	18303099	Trần Duy Minh	Nam	24/6/1978	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	2.69	Khá
130	18303100	Huỳnh Trung Nghĩa	Nam	21/10/1994	Long An	Kinh	3.23	Giỏi
131	18303102	Nguyễn Tấn Phát	Nam	18/3/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	2.61	Khá
132	18303103	Nguyễn Thế Quý	Nam	07/02/1978	Hải Dương	Kinh	3.09	Khá
133	18303104	Ngô Thanh Tâm	Nam	23/11/1987	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	3.32	Giỏi
134	18303105	Nguyễn Minh Tâm	Nam	24/8/1988	Tây Ninh	Kinh	2.88	Khá
135	18303106	Doãn Minh Tiến	Nam	04/11/1996	Bạc Liêu	Kinh	2.67	Khá
136	18303108	Ngô Thanh Dương	Nam	12/12/1978	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	2.79	Khá

III. Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt

137	18313001	Nguyễn Hoàng Dương	Nam	30/12/1983	Vĩnh Long	Kinh	3.25	Giỏi
138	18313002	Huỳnh Văn Hoàng	Nam	07/6/1982	Đồng Tháp	Kinh	3.18	Khá
139	18313003	Lê Trung Kiệt	Nam	02/01/1992	Tiền Giang	Kinh	3.14	Khá
140	18313004	Nguyễn Văn Mười	Nam	12/6/1985	Đồng Tháp	Kinh	3.23	Giỏi
141	18313006	Lý Hoàng Phúc	Nam	15/5/1981	Tiền Giang	Kinh	3.36	Giỏi
142	18313007	Tổng Hoài Phúc	Nam	03/8/1994	Đồng Tháp	Kinh	3.14	Khá
143	18313009	Nguyễn Thanh Thái	Nam	21/11/1994	Đồng Tháp	Kinh	3.20	Giỏi
144	18313013	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	12/01/1980	Trà Vinh	Kinh	3.45	Giỏi
145	18313014	Nguyễn Thạch Cương	Nam	26/7/1982	Vĩnh Long	Kinh	2.57	Khá
146	18313015	Trần Phát Út	Nam	03/01/1969	Đồng Tháp	Kinh	3.21	Giỏi

IV. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

147	16308002	Bùi Đình Giáp	Nam	26/12/1973	Thái Bình	Kinh	3.29	Giỏi
148	16308023	Nguyễn Chí Hùng	Nam	22/11/1989	Tiền Giang	Kinh	2.70	Khá
149	16308024	Lê Tuấn Kiệt	Nam	01/01/1979	Hậu Giang	Kinh	2.78	Khá
150	17308008	Trương Minh Nhật	Nam	21/10/1996	Cần Thơ	Kinh	2.76	Khá
151	17308018	Trần Huy Đông	Nam	22/02/1982	An Giang	Kinh	2.40	Trung bình
152	19308001	Lê Công Quốc Anh	Nam	25/02/1994	Kiên Giang	Kinh	3.09	Khá
153	19308003	Nguyễn Văn Chương	Nam	19/11/1986	Kiên Giang	Kinh	3.23	Giỏi
154	19308004	Du Kim Công	Nam	06/7/1997	Kiên Giang	Kinh	3.10	Khá
155	19308005	Võ Chí Công	Nam	18/3/1996	Kiên Giang	Kinh	3.18	Khá
156	19308008	Nguyễn Văn Khương	Nam	20/7/1993	Kiên Giang	Kinh	3.09	Khá



TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
157	19308009	Lưu Thanh Liêm	Nam	02/3/1995	Kiên Giang	Kinh	3.26	Giỏi
158	19308010	Lê Tấn Phát	Nam	29/01/1996	Kiên Giang	Kinh	3.05	Khá
159	19308011	Nguyễn Văn Tĩnh	Nam	10/6/1996	Kiên Giang	Kinh	3.17	Khá
160	19308012	Danh Thanh Tòng	Nam	26/8/1996	Kiên Giang	Khmer	3.25	Giỏi
161	19308014	Bùi Thanh Tuấn	Nam	18/6/1995	Kiên Giang	Kinh	3.54	Giỏi
162	19308015	Nguyễn Duy Khang	Nam	22/3/1986	Kiên Giang	Kinh	3.14	Khá
163	19308016	Lâm Hữu Lái	Nam	21/4/1998	Kiên Giang	Kinh	3.34	Giỏi
164	19308018	Trương Cầu Minh	Nam	07/9/1970	Kiên Giang	Hoa	3.52	Giỏi
165	19308019	Dương Quang Nhựt	Nam	14/9/1976	Kiên Giang	Kinh	3.36	Giỏi
166	19308021	Nguyễn Thành Tâm	Nam	22/5/1978	Kiên Giang	Kinh	3.32	Giỏi
167	19308022	Trần Quang Trọng	Nam	25/01/1998	Kiên Giang	Kinh	3.25	Giỏi

V. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

168	15301001	Phong Mạnh Cường	Nam	21/9/1995	Cà Mau	Kinh	3.17	Khá
169	15301004	Nguyễn Trí Hào	Nam	23/7/1997	Tiền Giang	Kinh	2.28	Trung bình
170	16301066	Phan Đức Duy	Nam	20/9/1996	Cần Thơ	Kinh	2.22	Trung bình
171	16301069	Trần Nguyễn Đăng Khoa	Nam	09/4/1996	Vĩnh Long	Kinh	2.23	Trung bình
172	16301071	Nguyễn Hoài Nam	Nam	19/7/1997	Tiền Giang	Kinh	2.59	Khá
173	16301076	Bùi Mạnh Quân	Nam	19/9/1990	Thái Bình	Kinh	2.81	Khá
174	16301078	Lê Minh Tâm	Nam	16/8/1992	Vĩnh Long	Kinh	2.68	Khá
175	16301080	Nguyễn Văn Thanh	Nam	24/4/1993	Vĩnh Long	Kinh	3.30	Giỏi
176	17301002	Nguyễn Văn Ca	Nam	20/9/1984	Bạc Liêu	Kinh	3.30	Giỏi
177	17301008	Hà Thanh Nam	Nam	20/10/1990	Thanh Hóa	Kinh	2.83	Khá
178	17301010	Đinh Văn Nửa	Nam	03/9/1990	Đồng Tháp	Kinh	2.82	Khá
179	17301019	Nguyễn Đắc Thế	Nam	13/10/1994	Vĩnh Long	Kinh	2.25	Trung bình
180	17301022	Huỳnh Thái Trung	Nam	28/11/1988	Cần Thơ	Kinh	2.73	Khá
181	17301025	Huỳnh Quang Bình	Nam	19/4/1993	Bạc Liêu	kinh	2.72	Khá
182	17301026	Nguyễn Châu Giang	Nam	07/6/1996	Đồng Tháp	Kinh	2.44	Trung bình
183	17301030	Võ Hoàng Ngọc	Nam	09/9/1989	An Giang	kinh	2.95	Khá
184	17301040	Nguyễn Châu Toàn	Nam	19/3/1992	Long An	Kinh	2.46	Trung bình
185	18301012	Nguyễn Trung Kiên	Nam	29/01/1982	Sóc Trăng	kinh	2.63	Khá
186	18301006	Ngô Hồ Khắc Hữu	Nam	01/02/1995	Bình Định	Kinh	2.88	Khá
187	18301008	Ngô Văn Huy	Nam	27/5/1995	Bà Rịa -Vũng Tàu	Kinh	2.98	Khá
188	18301016	Đặng Quang Mỹ	Nam	24/3/1983	Bình Định	Kinh	2.94	Khá
189	18301017	Trần Thanh Phong	Nam	10/01/1983	Bình Định	Kinh	2.86	Khá
190	18301032	Võ Hoài Nam	Nam	10/02/1997	Tây Ninh	Kinh	3.00	Khá
191	18301041	Cao Thanh Tùng	Nam	29/9/1996	Vĩnh Long	Kinh	2.78	Khá
192	18301042	Đặng Vùng	Nam	13/4/1993	Tây Ninh	Kinh	3.06	Khá
193	18301044	Dương Quốc Bảo	Nam	06/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	3.02	Khá
194	18301045	Hoàng Anh Phương	Nam	13/11/1989	Tây Ninh	Kinh	2.82	Khá
195	18301047	Lê Quốc Toàn	Nam	22/5/1996	Tiền Giang	Kinh	2.92	Khá
196	18301049	Lê Thanh Liêm	Nam	19/01/1996	Tiền Giang	Kinh	2.71	Khá

